Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Ứng Dụng Công Ngh Thông Tin Trong Dạy Hoc Ngoại Ngữ: Từ Kinh Nghi M Quoc Te Đen Thực Tại Vi T Nam

Nguyen Văn Long*

Trường Đại hoc Ngoại ngữ, Đại hoc Đà Nang, Đà Nang, Vi t Nam

Tóm tat

Bài báo t p trung thảo lu n tình hình ứng dụng Công ngh Thông tin (CNTT) vào quá trình dạy-hoc ngoại ngữ nói chung và cụ the là tieng Anh từ lí thuyet đen thực tien; từ mô hình the giới đen thực trạng ứng dụng tại Vi t Nam. Ở phan kinh nghi m quoc te, trên nen tảng giáo dục kĩ thu t so, bài báo phân tích các đường hướng pho bien hi n nay the giới đang áp dụng làm các mô hình lí thuyet cho vi c đưa CNTT vào lớp hoc, vào quá trình giảng dạy, tiep theo là phan phân tích các năng lực CNTT mà người giáo viên can đạt được. Ở phan nghiên cứu thực tien ở Vi t Nam, bài báo đi sâu phân tích nhu cau thực tien và tính thiet yeu của vi c ứng dụng CNTT trong boi cảnh Vi t Nam, kèm theo là thực trạng ứng dụng hi n nay. Ket lu n rút ra và các kien nghị được trình bày ở phan ket lu n.

Nh n ngày 26 tháng 9 năm 2015, Chỉnh sửa ngày 07 tháng 11 năm 2015, Chap nh n đăng ngày 22 tháng 6 năm 2016

Từ khóa: Giáo dục, CNTT, kinh nghi m, thực trạng, ứng dụng, ngoại ngữ.

1. Giới thi u

Trong thời đại bùng no Công ngh Thông tin (CNTT) những ảnh hưởng cả ve m"t tích cực và tiêu cực mà CNTT mang lại trong môi trường giáo dục rõ ràng là không tránh khỏi. Vi c đào tạo ngoại ngữ có sự ho trợ của công ngh Internet đã và đang xuat hi n ở các cap đại hoc, trung hoc và dạy nghe ở nhieu nước trên the giới. Ngay tại Vi t Nam vi c ứng dụng công ngh trong giảng dạy ở trường hoc cũng đang trên đà phát trien, dù van còn trong giai đoạn manh mún. Ngày nay, vi c hoc tieng Anh qua máy tính và vi c hoc cách sử dụng thành thạo máy tính qua tieng Anh là khuynh hướng chung trong các chương trình đào tạo ngoại ngữ.

Ứng dụng CNTT vào tien trình giảng dạy và hoc t p nói chung và đào tạo ngoại ngữ nói riêng đã phát trien sâu r(ng ở các nước trong

* ĐT.: 84-905397397

Email: nvlong@ufl.udn.vn.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

khu vực và the giới. Hi n nay, moi quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục không còn là có nên giới thi u và ứng dụng CNTT vào quá trình đào tạo hay không, mà là làm the nào đe nâng cao hi u quả hoc t p của sinh viên thông qua vi c ứng dụng các thành tựu mới của CNTT. Đieu này chứng minh m(t thực te là hành trình đưa các ứng dụng của công ngh vào lớp hoc là xu the mới, không the quay ngược. Thêm vào đó, giúp sinh viên tiep c n và làm quen với các phương ti n ho trợ hoc t p này là cách ho trợ ho chuan bị hành trang trên bước đường hòa nh p vào thị trường lao đ(ng hi n đại, nơi mà cái bóng của CNTT là khap nơi, len lỏi vào công vi c và cu(c song của ho.

Nghiên cứu, tìm ra các giải pháp nham đưa các ứng dụng của mạng xã h(i vào quá trình đào tạo; bien quá trình hoc t p không chỉ bó gon trong bon bức tường của lớp hoc. Vi c ứng dụng CNTT vào quá trình giảng dạy nham nâng cao tính tự chủ và đ(ng cơ hoc t p của sinh viên; và đ"c bi t mở r(ng khả năng tương tác

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

(tương tác với n(i dung môn hoc, với giảng viên, với bạn hoc) của người hoc bang ba hướng: (1) kéo the giới vào lớp hoc; (2) mang lớp hoc ra khỏi bon bức tường; và (3) đ"c bi t là, qua đó, tăng năng lực tiep c n, xử lí, và đieu tiet thông tin đe tạo thông tin mới của người hoc.

2. **Kinh nghi m quoc te**

2.1. Giáo dnc kĩ thu¾t so

Nghiên cứu các mô hình giáo dục quoc te cho thay, giáo dục kĩ thu t so là phương thức hoc t p và làm vi c mới với CNTT, tạo thu n lợi cho các trải nghi m hoc t p chat lượng đoi với người hoc kĩ thu t so the kỉ 21. Giáo dục kĩ thu t so là sự h(i tụ các kĩ năng công ngh , các hoạt đ(ng sư phạm và sự hieu biet ve thiet ke chương trình giảng dạy phù hợp với người hoc kĩ thu t so. Nó chuyen sự t p trung từ các công cụ và các kĩ năng CNTT sang m(t phương thức làm vi c mới trong the giới kĩ thu t so. Khi được sử dụng hi u quả, giáo dục kĩ thu t so:

- Ho trợ, cho phép và chuyen hóa vi c hoc t p và giảng dạy đe cung cap các cơ h(i hoc t p doi dào, đa dạng và linh đ(ng cho m(t the h kĩ thu t so.
- Cung cap cơ sở đe người hoc chủ đ(ng tham gia vào vi c xây dựng và ứng dụng vi c hoc t p phong phú theo nhieu cách có mục đích và ý nghĩa.
- Tăng cường cơ h(i cho vi c đánh giá xác thực được đ"t trong ngữ cảnh phù hợp ho trợ vi c hoc t p trong m(t boi cảnh kĩ thu t so.

2.2. Các đường hướng úng dnng công ngh thông tin

Đánh giá năng lực CNTT m(t phan là đánh giá phương pháp giảng dạy của giáo viên trong môi trường công ngh . Giáo viên muon đạt được các mục tiêu và tiêu chuan năng lực không những boi dưỡng kien thức và khả năng ứng dụng CNTT mà còn phải biet lựa chon các phương pháp hay đường hướng sư phạm phù hợp trong giảng dạy ngoại ngữ có ứng dụng CNTT. Đong thời, xác định các đường hướng dưới đây chính là cơ sở lí thuyet ve phương pháp, qua đó the hi n năng lực của giáo viên. Các mục tiêu và tiêu chí năng lực được phát trien có n(i hàm đeu là các đường hướng sau bởi lẽ không có m(t đường hướng duy nhat phù hợp với tat cả ứng dụng trong môi trường công ngh ho"c ít có ứng dụng công ngh nào chỉ dùng m(t đường hướng.

2.2.1. Đường hướng hành vi (behavioural approach)

Đường hướng hành vi là m(t đường hướng chính trong quá trình dạy hoc. Đường hướng này cho rang vi c giảng dạy ngôn ngữ phải đi cùng m(t quá trình giong như vi c hình thành thói quen [1]. Hơn nữa, nó nhan mạnh tam quan trong của vi c l"p đi l"p lại và luy n t p như là m(t quá trình thiet yeu trong vi c phát trien ngôn ngữ. Hay nói cách khác, thuyet hành vi giúp cho người dạy thoải mái và linh hoạt trong vi c lựa chon phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, đường hướng giảng dạy theo thuyet hành vi de gây khó khăn trong vi c kích thích sự hứng thú của người hoc, cũng như trách nhi m của ho đoi với quá trình hoc ngôn ngữ. Đường hướng dạy hoc theo thuyet hành vi cho rang vi c ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngôn ngữ phải đảm bảo cung cap cho người hoc tài li u hoc t p mà qua đó ho có the lĩnh h(i được kien thức. Chính vì v y, theo đường hướng hành vi trong giảng dạy ngôn ngữ, vi c thiet ke các trang web hoc trực tuyen hay phan mem giảng dạy can phải đi theo cau trúc đã được sap đ"t san, đó là m(t khoi lượng kien thức nhat định đe hieu m(t chủ đe [2]. Theo Hubbard [3] m(t bài giảng ứng dụng của đường hướng hành vi phải đảm bảo những yeu to sau:

1. Trình bày từ vựng và ngôn ngữ thích hợp với trình đ(người hoc.
2. Giữ được sự t p trung của người hoc vào bài t p.
3. Không chap nh n những loi sai là câu trả lời đúng.
4. Yêu cau người hoc nh p câu trả lời đúng trước khi tiep tục.
5. Cung cap cho người hoc phản hoi tích cực cho những câu trả lời chính xác.
6. Cung cap đay đủ bài t p đe người hoc ôn luy n.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

7. Cung cap những cau trúc câu và từ vựng trong bài hoc.

8. Cung cap những cau trúc ngữ pháp đe người hoc có the tự rút ra được công thức.

Đieu đó có nghĩa là giáo viên can phải hieu và có năng lực sử dụng CNTT ket hợp với năng lực ngôn ngữ và phương pháp sư phạm đe có the phát huy được toi đa vai trò của người dạy khi ứng dụng CNTT trong dạy hoc ngoại ngữ.

2.2.2. Đường hướng tri nh n-kien tạo (cognitive-constructivist approach)

Theo Tomei [4], "những nhà tâm lí hoc tri nh n tin rang giáo viên sẽ dạy hi u quả hơn neu như ho xác định được người hoc đã san có những loại kien thức nào và nam bat được moi người hoc làm the nào đe xử lí thông tin" (tr. 6). Những giáo viên theo đường hướng tri nh n-kien tạo sử dụng các chien lược đieu tiet và tiep thu đe giúp người hoc chiem lĩnh tri thức tích cực hơn, hướng dan người hoc hoc, ghi nhớ, suy nghĩ m(t cách phê phán; khuyen khích người hoc biet v n dụng hơn là chỉ t p trung vào thành tích làm cho người hoc hieu bài m(t cách thụ đ(ng. Khái ni m *lược đo* [4] là m(t nguyên tac quan trong trong đường hướng tri nh n-kien tạo. Đây là m(t tien trình to chức các khái ni m và thông tin thành m(t cau trúc tri nh n ho trợ cho vi c sử dụng ngôn ngữ sau này và vi c nhớ lại kien thức. Hình thức *hoc khám phá*, *tiep nh¾n, và xủ lí thông tin (discovery learning, reception learning, information- processing model)* là đ"c trưng của vi c áp dụng các nguyên tac tri nh n trong các bài giảng dựa trên công ngh dạy hoc. Các phan mem và các trang web hoc ngoại ngữ theo thuyet tri nh n-kien tạo cho phép người hoc tự khám phá các chủ đe trong cu(c song; các bài hoc tạo cho người hoc khả năng tự làm dàn ý đe từ đó hoc sinh có the xây dựng kien thức mới, tôn trong nhu cau tri nh n của người hoc, nhu cau giải mã thông tin, lưu trữ thông tin và nhớ lại thông tin khi can. Dựa vào phép phân loại trong lĩnh vực tri nh n của Bloom thì hau het các phan mem dạy và hoc ngoại ngữ hi n nay phân bi t ở cap đ(*biet* (*knowledge*), cap đ(*hieu (comprehension)* và cap đ(*áp dnng* (*application)*. Vì v y, kien thức và khả năng ve sử dụng CNTT của giáo viên sẽ được phân loại theo các cap đ(này.

2.2.3. Đường hướng tri nh n (cognitive approach)

Đường hướng tri nh n nhan mạnh tam quan trong của người hoc trong quá trình lĩnh h(i kien thức. Người hoc chịu trách nhi m đoi với vi c hoc và người dạy đóng m(t vai trò khác [5]. Theo đường hướng này, m"c dù người hoc được cung cap thông tin và tư li u cho vi c hoc, ho phải chịu trách nhi m với vi c hoc và tìm hieu những thông tin được cung cap. Lang [5] miêu tả đường hướng tri nh n như là m(t chuoi liên ket trong đó moi bài t p bieu hi n m(t điem liên ket trên chuoi liên ket đó mà người hoc phải có trách nhi m gan ket những điem đó lại với nhau và neu m(t điem liên ket yeu, hay nói cách khác là người hoc chưa hieu van đe thì những gì người hoc can làm là hoc t p đe bo sung kien thức đó. Chính vì v y, vi c giáo viên có năng lực ứng dụng đường hướng tri nh n vào vi c sử dụng CNTT trong dạy hoc phải tạo m(t môi trường hoc giong với thực te cu(c song. Hơn nữa, hoc sinh can được hướng dan đe mở r(ng kien thức khi sử dụng những gì ho đã và đang hoc. Tuy nhiên, cũng nên lưu ý rang đường hướng tri nh n can phải cung cap cho người hoc sự trợ giúp thỏa đáng nham giúp người hoc chuyen di được qua tan so phát trien của ho [6].

2.2.4. Đường hướng văn hóa - xã h(i (sociocultural theory)

Theo Hoven [7], phương pháp dạy hoc theo thuyet văn hóa-xã h(i là mô hình thích hợp nhat đe sử dụng CNTT ho trợ trong dạy hoc. Lí do là đường hướng này chú trong đen khả năng tạo sự hieu ý có đàm phán và đieu đình giữa những người hoc với nhau, giữa người hoc và người dạy, giữa người hoc và công ngh . Lí thuyet văn hóa-xã h(i còn nhan mạnh đen vi c hoc dien ra thông qua các phương ti n như ngôn ngữ, kí hi u, hình ảnh, chữ viet cũng như các thiet bị công ngh . Đe m(t phan mem hay m(t chương trình hoc ngoại ngữ trực tuyen có the boi dưỡng cho người hoc sự phát trien khả năng xử lí thông tin tot hơn, phan mem đó phải tạo ra môi trường hoc đa dạng các loại hình bài t p

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

rèn luy n kĩ năng. Từ đó, người hoc sẽ có thói quen tự phản ánh quá trình hoc của mình và tự tìm ra các chien lược hoc t p có định hướng trong hoạt đ(ng hoc. Thuyet văn hóa xã h(i còn chú trong đen *c ng đong thnc hành tieng (community of practice)* [8].

Các nghiên cứu cho thay rang khi hoc ngoại ngữ sự tương tác giữa người hoc và tính sáng tạo trong quá trình hoc t p cũng có tam quan trong đ"c bi t. Chính những chien lược hoc tương tác với ngôn ngữ đích và sự sáng tạo ý nghĩa giao tiep giúp người hoc có the song trong nen văn hóa của ngôn ngữ đích đó. Khi áp dụng đường hướng văn hóa xã h(i đe thiet ke bài dạy, khái ni m người hoc sáng tạo và hình thành ý nghĩa giao tiep ngụ ý rang người hoc phải biet đánh giá, xem xét sự lựa chon của mình và khả năng tự to chức hoạt đ(ng hoc. Như v y, vi c ứng dụng CNTT phải cung cap cho người hoc những lời nh n xét, đánh giá phù hợp với năng lực của ho cũng như là những hướng dan sử dụng công ngh đó. Đường hướng văn hóa xã h(i được the hi n trong mục tiêu 4 khung năng lực CNTT (xin xem Mục 2.3). Tức là khả năng sử dụng công ngh đe nâng cao năng lực giao tiep, khả năng hợp tác và tính hi u quả trong giảng dạy của giáo viên trong m(t xã h(i hoc t p với CNTT.



Hình 1. Vòng tròn phát trien tư duy của Vygotsky [9].

Trên đây là những đường hướng ứng dụng CNTT trong vi c dạy và hoc ngoại ngữ mà giáo viên phải nam vững đe có the v n dụng tot trong môi trường dạy và hoc bang CNTT.

Năng lực của giáo viên cơ bản sẽ được đánh giá dựa theo vi c áp dụng những đường hướng này trong quá trình dạy hoc ở môi trường công ngh .

2.3. Phân loại năng lnc công ngh thông tin

Tomei [4] đã đưa ra m(t bảng phân loại năng lực công ngh bao gom các b c cap đ(phát trien từ đơn giản đen phức tạp, từ b c đau tiên đen b c cuoi cùng, từ khái quát đen chi tiet. Sáu cap đ(liên ket khá ch"t chẽ ve khả năng đoc hieu, hợp tác, quyet định, hướng dan, tích hợp và xem xét đã chỉ ra m(t cách nhìn mới ve vi c hoc trong môi trường công ngh .

Moi mục tiêu là m(t năng lực khác nhau. Trong moi mục tiêu có các tiêu chuan the hi n các khía cạnh năng lực CNTT. Chúng tôi chia các tiêu chuan thành hai tiêu chí the hi n như đã phân tích ở trên: tiêu chí the hi n ở cap đ(cơ bản và tiêu chí the hi n ở cap đ(chuyên nghi p. Mục đích của chúng ta là boi dưỡng năng lực CNTT cho giáo viên đe giáo viên đạt được năng lực cơ bản ho"c cao hơn là cap đ(chuyên nghi p đoi với những giáo viên có đam mê ve công ngh (Bảng 2).

3. Thực tien Vi t Nam

3.1. Nhu cau của xã h i

Cu(c cách mạng khoa hoc công ngh đang phát trien mạnh mẽ đã đem lại vi c giảng dạy ngoại ngữ ở Vi t Nam những thách thức mới, đòi hỏi những no lực het mình đe theo kịp thời đại và đe có the cùng tham gia vào quá trình "kinh te tri thức" [10]. Khái ni m "biet đoc" cũng đã được định nghĩa lại đe bao gom "biet đoc công ngh " [11]. Đieu đó đã tạo ra m(t nhu cau rat lớn của xã h(i đoi với ngành giáo dục mà trong đó giáo viên, đ"c bi t giáo viên tieng Anh là đoi tượng can phải "biet đoc công ngh " đe có the đáp ứng được nhu cau của xã h(i CNTT trong vi c truyen tải kien thức đen người hoc.

B(Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành chỉ thị ve "tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục giai đoạn 2013-2018. Thực hi n và quản lí các h

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thong thông tin quản lí giáo dục trực tuyen và cơ sở dữ li u của ngành" [12]. Ngoài ra, B(còn tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy và hoc các môn hoc khác; đoi mới n(i dung dạy và hoc môn tin hoc ở các cap, b c hoc theo hướng hi n đại, thiet thực và trên nen mã nguon mở; trien khai chương trình tin hoc ứng dụng theo mô đun kien thức. Như v y, yêu cau giáo viên, sinh viên và hoc sinh phải đạt chuan kien thức ve CNTT.

Bảng 1. Bảng mô tả các cap đ(năng lực CNTT

Phân loại	**Mô tả các cap đ**
Đoc hieu: Hieu công ngh và các thành phan công ngh	**Hieu** các thu t ngữ công ngh trong giao tiep bang lời và ngôn từ viet **Minh họa** thao tác sử dụng (chu(t và bàn phím)
Hợp tác: Chia sẻ ý tưởng, làm vi c hợp tác, hình thành moi quan h bang cách sử dụng công ngh	**Sũ dụng** các ứng dụng phan mem vi tính cơ bản
Quyet định: Sử dụng công ngh trong những tình huong mới cụ the	**Thao tác** được các thiet bị đau ra và đau vào **T n dụng** được các công cụ giao tiep bang ngôn từ viet của cá nhân và hợp tác liên cá nhân **Chia sẽ** thông tin đi n tử với người hoc **Giao tiep** liên cá nhân bang thư đi n tử
Phân bi t: Chon các giáo trình giảng dạy có sử dụng công ngh , thích hợp với từng người hoc	**Áp dụng** được các công cụ đi n tử trong giải quyet van đe **Thiet ke** được những giải pháp hi u quả đe giải quyet các van đe thực te **Phát trien** những chien lược và ý tưởng mới bang cách sử dụng các phan mem v n dụng trí tu
Tích hợp: Tạo ra các tài li u giảng dạy sử dụng nhieu loại nguon tài li u liên quan đen công ngh	**Chuan bị** được các bảng tính đi n tử **Tạo ra** được lịch làm vi c, so tay địa chỉ và lịch hoc **Đánh giá** các phan mem đi n tử và xác định tính hi u quả của phan mem đoi với từng kieu hoc của người hoc, sinh viên **Phân bi t** các nguon đa truyen thông, đa phương ti n thích hợp với sự phát trien của người hoc, đ(tuoi, giới tính, văn hóa …
Ứng dụng công ngh : Nghiên cứu ve công ngh và giá trị của nó đoi với xã h(i	**Đánh giá** được điem mạnh của những môi trường Internet khác nhau đe làm công cụ hoc t p của người hoc, sinh viên **Sũ dụng** được các phương ti n đi n tử đe xây dựng nghiên cứu mới và nghiên cứu n(i dung bài hoc **Thiet ke, xây dụng và bo sung** những tài li u giảng dạy do giáo viên làm trên Internet cho các n(i dung môn hoc **Thiet ke, xây dụng và bo sung** những tài li u giảng dạy dạng văn bản do giáo viên làm cho các n(i dung môn hoc **Thiet ke, xây dụng và bo sung** những bài trình bày có minh hoa cho các n(i dung môn hoc **Cân nhac** vi c sử dụng công ngh đe tiep c n những điem mạnh và hạn che những điem yeu von có trong đa trí thông minh (multiple intelligences) **T p trung** vào vi c hoc của người hoc, sinh viên

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

bang cách sử dụng những tài li u giảng dạy tích hợp

Bão v bản quyen và lu t sử dụng công ngh
Tranh lu n các van đe xoay quanh tính hợp pháp và đạo đức khi sử dụng công ngh
Cân nhac những h u quả của vi c sử dụng công ngh không thích hợp

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

Bảng 2. Tiêu chí và mục tiêu

- *Tiêu chí the hi n cơ bản* - *Tiêu chí the hi n ở cap đ chuyên nghi p*	Mục tiêu 1 Có kien thức và kĩ năng sử dụng CNTT căn bản phù hợp với muc tiêu nghe nghi p Mục tiêu 2 Tích hợp kien thức và kĩ năng sư phạm với công ngh nham nâng cao hi u quả vi c dạy và hoc Mục tiêu 3 Ứng dụng công ngh đe lưu trữ, phản hoi và đánh giá ket quả hoc t p Mục tiêu 4 Sử dụng công ngh đe nâng cao năng lực giao tiep, khả năng hợp tác và tính hieu quả trong giảng day

Đoi với giáo viên tieng Anh, đe nâng cao năng lực chuyên môn và trien khai có hi u quả Đe án "Dạy và hoc ngoại ngữ trong h thong giáo dục quoc dân giai đoạn 2008-2020" (Quyet định so 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ) các cơ sở đào tạo được Đe án giao nhi m vụ như là những Trung tâm Ngoại ngữ khu vực đã to chức các đợt boi dưỡng nâng cao trình đ(cho giáo viên Tieng Anh các cap của các Sở GD&ĐT trên toàn quoc. Đợt boi dưỡng hướng tới nâng cao m(t b c năng lực tieng Anh, c p nh t phương pháp giảng dạy và sử dụng sách giáo khoa mới hi u quả cho giáo viên Tieng Anh các cap từ các Sở GD&ĐT đã có trình đ(tương đương b c 3 – b c 5. Thời lượng đợt boi dưỡng gom 450 tiet trong đó năng lực ngôn ngữ 400 tiet (300 tiet hoc trên lớp + 100 tiet hoc hoc với máy tính có hướng dan sử dụng CNTT); phương pháp giảng dạy 50 tiet. Người hoc hoc t p trung tại cơ sở boi dưỡng và tự hoc tại địa phương, sử dụng công ngh ho trợ, có hướng dan và giám sát của giáo viên (theo Hướng dan to chức boi dưỡng giáo viên tieng Anh THCS và THPT năm 2013).

Từ nhu cau cap thiet trên giáo viên can được đào tạo và boi dưỡng kien thức CNTT hướng tới đạt chuan năng lực CNTT đe có the đoi mới phương thức giảng dạy đáp ứng được các nhi m vụ giảng dạy trong nen giáo dục kĩ thu t so hi n nay. B(GD&ĐT đã chỉ đạo ứng dụng CNTT trong hoc t p và giảng dạy theo hướng người hoc có the hoc qua nhieu nguon hoc li u; hướng dan cho người hoc biet tự khai thác và ứng dụng CNTT vào quá trình hoc t p của bản thân, thay vì chỉ t p trung vào vi c chỉ đạo giáo viên ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trong tiet giảng, khuyen khích giáo viên chủ đ(ng tự soạn giáo án, bài giảng và tài li u giảng dạy đe ứng dụng CNTT trong các môn hoc.

3.2. Tính thiet yeu

Hi n nay CNTT gan như trở thành phương ti n và môi trường hoc t p, giảng dạy không the tách rời với quá trình giáo dục. Chính vì v y, năng lực CNTT của giáo viên là m(t yêu cau không the thieu trong quá trình dạy hoc. Neu không có năng lực ứng dụng CNTT giáo viên khó có the thực hi n được các nhi m vụ trong tâm của người đứng lớp [13]. Từ các nhi m vụ trong tâm, các mục tiêu được phát trien và các tiêu chuan trong moi mục tiêu được trien khai. Moi nhi m vụ có the đòi hỏi hơn m(t mục tiêu năng lực đe có the thực hi n và hoàn thành. Khi phân tích cơ sở thực tien này, các mục tiêu trong tâm trong moi nhi m vụ:

- Trien khai mạng giáo dục. (Mục tiêu 4)
- Tăng cường phát trien n(i dung thông tin so cho website của B(cũng như của sở và các trường sư phạm. Tiep tục trien khai cong thông tin giáo dục pho thông, cong thông tin sư phạm và thiet bị dạy hoc. (Mục tiêu 1)
- Trien khai chương trình công ngh giáo dục: xây dựng h thong các công cụ tạo l p và quản lí bài giảng đi n tử, h thong e-Learning, quy trình soạn bài giảng, các phan mem ho trợ dạy hoc, phan mem thí nghi m ảo; xây dựng các nguon tài nguyên giáo dục và hoc li u đi n tử đe chia sẻ dùng chung qua website của B(, thư vi n đe thi, thư vi n sách giáo khoa đi n tử; to chức chủ đe "*CNTT đoi mới phương pháp dạy và hoc*" trên website, to chức giáo viên tham gia dien đàn giáo dục đe giao lưu và trao

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đoi kinh nghi m, ho trợ tháo gỡ những khó khăn của giáo viên, khuyen khích giáo viên soạn giáo án trên máy tính và chia sẻ, tham khảo giáo án qua mạng. Tham gia chương trình công ngh giáo dục của UNESCO. (Mục tiêu 1, Mục tiêu 2)

- Đong thời phát đ(ng các phong trào thi đua soạn bài giảng đi n tử đe đoi mới cách dạy và hoc, làm phong phú nguon hoc li u đi n tử, chia sẻ dùng chung. (Mục tiêu 2)
- Tăng cường vi c to chức hop, h(i nghị và giảng dạy qua mạng đe tiet ki m thời gian, công sức, chi phí đi lại, ăn ở. (Mục tiêu 3, Mục tiêu 4)
- Xây dựng chương trình, tài li u boi dưỡng kien thức và kĩ năng ve CNTT cho cán b(quản lí và giáo viên trong quản lí giáo dục và trong giảng dạy. Quy định n(i dung toi thieu ve CNTT đe thi tuyen giáo viên. Khuyen khích sử dụng tài li u tieng Anh trong giảng dạy CNTT. (Mục tiêu 2, Mục tiêu 4)

3.3. Thnc trạng ứng dnng công ngh thông tin trong giảng dạy

Trong m(t cu(c khảo sát lớn gan đây của nhóm nghiên cứu ở m(t trường đại hoc chuyên ngữ lớn tại mien Trung ve "Đánh giá tác đ(ng của Đe án Ngoại ngữ Quoc gia 2020 giai đoạn 2011-2015" cho hơn 1500 giáo vien tieng Anh ở 14 tỉnh thành pho mien Trung và Tây Nguyên. Đoi tượng trực tiep tham gia nghiên cứu là giáo viên pho thông, giảng viên đại hoc và cán b(quản lí ở các trường pho thông ở cả 3 cap hoc và các trường đại hoc đã tham gia chương trình boi dưỡng trien khai bởi ĐA NNQG 2020 trên địa bàn các tỉnh Mien Trung và Tây Nguyên giai đoạn từ năm 2012 đen 2015, cụ the: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Hue, Đà Nang, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hoà, Lâm Đong, Gia Lai, Đăk Lăk, KonTum, và Đăk Nông.

Đe án đánh giá ở nhieu m"t: công tác boi dưỡng (năng lực ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy, khảo thí, kiem tra đánh giá, nghiên cứu hành đ(ng và đ"c bi t là m(t hợp phan lớn là ứng dụng CNTT trong dạy-hoc ngoại ngữ [14]. N(i dung liên quan đen đánh giá tác đ(ng của các hoạt đ(ng ứng dụng CNTT có the tóm tat như sau.

Qua phân tích so li u có the nh n định rang, đại b(ph n giáo viên có thái đ(và nh n thức tích cực với vi c ứng dụng CNTT trong giảng dạy. 75% giáo viên và giảng viên được khảo sát cho rang ho cảm thay thích thú khi ứng dụng Công ngh Thông tin trong dạy hoc. Tuy nhiên, nh n thức và tâm lí không phải quyet định thực te mà ho đang the hi n. Đa so giáo viên cho rang Internet là nguon đại di n cho vi c ứng dụng CNTT. Ho còn mơ ho ve vi c sử dụng cái gì, công ngh gì hữu ích cho giảng dạy. Vi c đưa ứng dụng CNTT vào giảng dạy trong các trường pho thông đã được phát đ(ng và thực hi n từ những năm 1990, nhieu chương trình, dự án đã được trien khai nham đay mạnh ứng dụng CNTT trong dạy hoc. Tuy nhiên, thực tien áp dụng còn chưa tri t đe, nhieu địa phương, cá nhân còn chưa hieu rõ ho"c xem nhe vi c phát trien ứng dụng CNTT trong dạy và hoc. Vi c ứng dụng đa phan còn dừng lại ở thí điem, thao giảng, chưa nhân r(ng đại trà đe trở thành m(t trong những công cụ thiet yeu mà moi giáo viên can phải sử dụng như viên phan đoi với người giáo viên trước đây, như cái cày với người nông dân xưa kia. Giáo viên không chỉ can biet những lợi ích, hi u quả mang lại trong vi c sử dụng CNTT trong dạy và hoc, mà còn can phải biet cả những hạn che và khó khăn đe xử lí, sử dụng m(t cách hi u quả nhat.

Các cơ sở giáo dục đại hoc và sau đại hoc đã t n dụng mạng Internet và Web đe cung cap các khóa hoc trực tuyen và giúp truy c p h thong thông tin giáo dục, là những nguon cơ sở dữ li u phục vụ cho vi c hoc trực tuyen [15]. Thêm nữa, ngành giáo dục đã có những chuyen bien trong vi c thành l p nên các trường đại hoc mới t p trung vào giáo dục trực tuyen. Hình thức đào tạo này sử dụng h thong thông tin giáo dục và mạng Internet như những công cụ cơ bản phục vụ cho quá trình đào tạo. Rõ ràng, ngày càng nhieu cơ sở giáo dục cung cap các khóa hoc trực tuyen vì người hoc có the de dàng tiep c n được với khóa hoc thông qua mạng Internet và những hình thức công ngh kĩ thu t so khác. Dạy hoc trực tuyen cũng lan tỏa

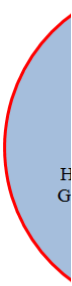
Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đen những cap b c hoc thap hơn. Các trường trung hoc pho thông, trung hoc cơ sở và cả những trường tieu hoc cũng bat đau t n dụng công ngh vào giảng dạy các môn hoc nói chung và b(môn tieng Anh nói riêng. M(t so giáo viên cũng đã bat đau dùng những công ngh mới trong giao tiep đe liên lạc có hi u quả với đong nghi p, bạn bè.

Đe nâng cao hi u quả giao tiep với đong nghi p và các nhà quản lí giáo dục, giáo viên can phải tham gia vào các c(ng đong mạng, trang mạng xã h(i. Qua đó, giáo viên có the chia sẻ những kinh nghi m giảng dạy của mình, bài giảng hay và tâm đac, gửi những đe xuat, kien nghị góp phan nâng cao chat lượng dạy hoc. M"t khác, giáo viên cũng hoc hỏi được những phương pháp giảng dạy mới mẻ, hi u quả của các giáo viên khác ho"c của các chuyên gia ve phương pháp giảng dạy tieng Anh thông qua các bài viet chia sẻ phương pháp giảng dạy tích cực trên rat nhieu trang web ho"c dien đàn. Ngoài ra, giáo viên cũng tiep c n được các bài giảng đi n tử trên mạng, v n dụng những ý tưởng giảng dạy sáng tạo vào bài giảng của riêng mình nham tạo ra những bài giảng hay và thu hút hoc sinh. Thêm vào đó, khi tham gia vào c(ng đong trực tuyen, giáo viên cũng có cơ h(i mở r(ng tri thức hieu biet ve cả chuyên môn, cũng như các m"t khác của đời song xã h(i. Có lẽ không phải lúc nào giáo viên cũng hieu rõ chuyên môn mình đang giảng dạy. Đôi khi ho g"p khó khăn trong vi c hieu các cụm từ mới, ho"c bat g"p các cau trúc câu lạ. Trong những trường hợp như the có lẽ sự trợ giúp của đong nghi p ho"c các thành viên trong các c(ng đong mạng là het sức can thiet. Rõ ràng, giáo viên can phải thường xuyên giao tiep, hợp tác có hi u quả với đong nghi p cũng như các nhà quản lí thông qua các trang mạng, dien đàn nham t n dụng toi đa những lợi ích do các trang mạng này mang lại.

Hơn ai het, giáo viên chính là người hieu rõ nhat ve hi u quả của vi c ứng dụng công ngh trong giảng dạy. Trải qua thời gian sử dụng các phan mem, chương trình hay trang web nào đay đe giảng dạy các kĩ năng ngôn ngữ và các thành to ngôn ngữ: từ vựng, ngữ pháp, hay phát âm, giáo viên có the đánh giá được những ưu, khuyet điem của từng chương trình và tính hi u quả của nó trong vi c góp phan vào phát trien kĩ năng ngôn ngữ của hoc sinh, cũng như nó đã ho trợ giáo viên như the nào trong vi c soạn giảng, quản lí hoc sinh, theo dõi, đánh giá ket quả hoc t p của hoc sinh. Nhờ đó, ho có the tham mưu, tư van cho nhà quản lí giáo dục ve vi c li u có nên sử dụng r(ng rãi những chương trình ay như các công cụ ho trợ cho vi c dạy và hoc hay không. Đe trở thành những nhà tư van giỏi, giáo viên can phải mạnh dạn tích hợp nhieu công ngh mới vào quá trình giảng dạy đe có the đưa ra những so sánh chính xác ve tính hi u quả của từng loại công ngh dựa trên các tiêu chí đánh giá công ngh .



Hình 2. Mô hình c(ng đong giảng dạy [16].

Giáo viên can phải thường xuyên tìm hieu, nghiên cứu ve vi c ứng dụng công ngh mới vào giảng dạy nham phát trien kĩ năng ngôn ngữ cho hoc sinh. Đe phát trien chuyên môn, nghi p vụ giáo viên có the boi dưỡng theo nhieu cách. Lê Gia Thanh [17] đã đe xuat m(t so cách boi dưỡng chuyên môn, nghi p vụ như sau: tham gia h(i giảng, to chức hoc t p h(i thảo theo chuyên đe, to chức cho giáo viên nghiên cứu và ứng dụng khoa hoc, to chức các lớp boi dưỡng CNTT, máy tính cho giáo viên, đ"c bi t hình thức tự đào tạo, rèn luy n can phải được phát huy toi đa. Giáo viên can phải

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

thường xuyên tham gia vào các chương trình phát trien chuyên môn, nghi p vụ thông qua vi c tham gia h(i thảo, viet báo, ho"c tham gia các c(ng đong nghe nghi p. Ngoài ra, giáo viên cũng can phải biet cách v n dụng các ket quả nghiên cứu đã được công bo đe áp dụng vào giảng dạy. Khi ứng dụng những ket quả đó, giáo viên can phải có khả năng phân tích, đánh giá li u vi c ứng dụng, trien khai những ket quả nghiên cứu ay có phù hợp với tình hình, điеu ki n, hoàn cảnh của giáo dục Vi t Nam hay không. Giáo viên can v n dụng sáng tạo các ket quả nghiên cứu, không máy móc chủ quan. Giáo viên phải luôn tìm nhieu nguon công ngh mới đe ứng dụng vào vi c giảng dạy các kĩ năng cũng như các thành to ngôn ngữ. Nhờ đó giáo viên có the đánh giá được công ngh nào hi u quả đe tư van cho các nhà quản lí giáo dục nham nhân r(ng nó ra trong toàn to, toàn trường, th m chí toàn ngành giáo dục. Giáo viên cũng can có khả năng nh n thức được nhieu nguon công ngh và những quan điem khác nhau ve vi c ứng dụng công ngh . Từ đó, xác định quan điem riêng của bản thân ve vi c tích hợp công ngh mới trong giảng dạy.

M(t điem đ"c bi t quan trong trong vi c tự boi dưỡng chuyên môn, nghi p vụ là giáo viên can phải làm nghiên cứu khoa hoc và chia sẻ những ket quả nghiên cứu cho c(ng đ(ng. Các nghiên cứu nên dựa trên những thực trạng của vi c ứng dụng công ngh trong dạy hoc đe từ đó đưa ra những giải pháp nham nâng cao hi u quả của quá trình ứng dụng. M"c dù, nghiên cứu khoa hoc đóng vai trò vô cùng quan trong trong công tác phát trien chuyên môn nghi p vụ nhưng theo thong kê cho thay so lượng bài nghiên cứu ve giáo dục của Vi t Nam còn quá thap so với các nước trong khu vực (VNN, 2012). Cụ the năm 2012, “Tính theo so lượng, Vi t Nam đứng hạng 14 trong 21 nước khu vực Đông Á (Malaysia hạng 8, Thái Lan hạng 9, Philippines hạng 11). Con so bài nghiên cứu ve giáo dục của Vi t Nam chỉ bang 1/37 so với Đài Loan (hạng 1) và 1/30 so với Hong Kong (hạng 2)”. Tóm lại, giáo viên phải không ngừng đoc tài li u, các bài báo liên quan đen công ngh trong dạy hoc, làm nghiên cứu, báo cáo ket quả nghiên cứu của mình tại các h(i thảo, h(i nghị và chia sẻ ket quả cho c(ng đong.

Ngoài vi c ứng dụng công ngh nham nâng cao giao tiep và hợp tác, giáo viên cũng can tích hợp nó trong vi c soạn giảng, cham điem và lưu trữ ket quả hoc t p hoc sinh. Giáo viên luôn can nhieu nguon tài li u ho trợ phục vụ giảng dạy, do đó Internet sẽ là m(t kho tài li u quý báo đoi với ho. Nguyen Văn Long [15] cho rang Internet có nguon thông tin tài li u gan như vô hạn và khi tiep c n với nguon thông tin này giáo viên sẽ trở nên sáng tạo hơn và giúp ho luôn c p nh t thông tin. Đoi với những giáo viên mong muon tạo ra môi trường hoc t p năng đ(ng và thú vị, thì ho càng có nhu cau tìm kiem những nguon tài li u bo sung hay và phù hợp và chính Internet sẽ góp phan quan trong vào vi c ho trợ giáo viên tìm kiem được những nguon tài li u như the. Ho có the tìm nhieu nguon ho trợ thông qua các trang mạng chuyên ve giảng dạy tieng Anh. Giáo viên có the tải vô so những tranh ảnh, video từ các trang báo đi n tử đe dùng trong lớp hoc [18]. Giáo viên cũng có the tiep c n được với bài báo, tạp chí, báo cáo, bài nghiên cứu và cả sách trên mạng. Tuy nhiên nguon sách, báo trên mạng rat nhieu nên những người dùng thieu kinh nghi m có the sẽ bị quá tải với so lượng các bài viet. Do đó, những công cụ tìm kiem như: Search Engines, Directories, Libraries và Online Encyclopedias sẽ giúp ho tìm được n(i dung ho can [19].

Tam quan trong của vi c kiem tra đánh giá lớp hoc và ket quả hoc t p của hoc sinh đã nh n được rat nhieu quan tâm từ những trung tâm khảo thí, chuyên gia, giảng viên, giáo viên… Vi c kiem tra, đánh giá cũng có nhieu thay đoi ke từ khi công ngh được ứng dụng r(ng rãi trong vi c cham điem, nh n xét, báo cáo và lưu trữ ket quả hoc t p của hoc sinh. Trong đó ngoài vi c dựa trên các điem so đe đánh giá ket quả hoc t p của hoc sinh [20] đã chỉ ra rang giáo viên can phải đưa ra những nh n xét ve điem mạnh và yeu của hoc sinh và cũng giải thích cho ho ve ý nghĩa, ngụ ý và cả những hạn che của h thong tính điem đang sử dụng. Nghiên cứu cho thay rang những loại nh n xét khác nhau sẽ có những ảnh hưởng khác nhau

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

đen đ(ng lực và vi c hoc của hoc sinh [6] cũng như thời gian người hoc nh n bảng nh n xét của giáo viên [21]. Theo những nguyên tac đánh giá công bang ket quả hoc t p của hoc sinh tại các cơ sở giáo dục Canada [22], giáo viên nên cung cap nh n xét cho hoc sinh dựa trên những trả lời của hoc sinh và phải trình bày nh n xét theo cách mà hoc sinh có the hieu và sử dụng. Vi c đưa ra nh n xét, giáo viên có the sử dụng nhieu cách khác nhau: chang hạn giáo viên có the gửi nh n xét qua email, facebook, blog, dien đàn giáo viên đã tạo ra, … Giáo viên cũng can dùng các công ngh khác nhau ho trợ vi c đánh giá quá trình hoc t p của hoc sinh và đánh giá tong ket toàn khóa hoc. Thông qua các phương ti n hi n đại, giáo viên sẽ tiet ki m thời gian và có the gửi ket quả nh n xét đen hoc sinh nhanh chóng và hi u quả.

4. Ket lu n

Tóm lại, quá trình ứng dụng CNTT vào giáo dục nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng trên the giới được chia là ba giai đoạn, cụ the: giao đoạn giới thi u công ngh vào lớp hoc (Introduction); giai đoạn tích hợp công ngh vào lớp hoc (Integration); và giai đoạn vô hình hóa công ngh trong lớp hoc (Invisibilisation). So với các quoc gia tiên tien, vi c ứng dụng CNTT vào dạy và hoc ngoại ngữ ở Vi t Nam được đánh giá đang ở ngưỡng cuoi của giai đoạn m(t (Introduction). Khi bàn ve tam quan trong của vi c ứng dụng CNTT trong giáo dục và giảng dạy Spencer [23] đã nhan mạnh rang "sẽ không có khía cạnh nào của giáo dục mà không ứng dụng CNTT" (tr. 115). Theo ông, đây là m(t khía cạnh can được sự quan tâm đúng mức nham đạt được hi u quả cao trong dạy và hoc. Tuy nhiên, cũng de dàng nh n thay rang vi c ứng dụng CNTT bên cạnh những m"t tích cực cũng ton tại rat nhieu van đe đòi hỏi sự hieu biet của người dạy nham hạn che những tác đ(ng tiêu cực đoi với quá trình giảng dạy và hoc t p. Chính vì v y, đe ứng dụng CNTT hi u quả trong vi c giảng dạy đòi hỏi người dạy phải có kien thức ve các thiet bị kĩ thu t so và các đường hướng ứng dụng CNTT.

Cu(c cách mạng khoa hoc công ngh đang phát trien mạnh mẽ đã đem lại vi c giảng dạy ngoại ngữ ở Vi t Nam những thách thức mới, đòi hỏi những no lực het mình đe theo kịp thời đại và đe có the cùng tham gia vào quá trình "CNTT" và "kinh te tri thức" [10]. Khái ni m "biet đoc" cũng đã được định nghĩa lại đe bao gom "biet đoc công ngh " [11, 24]. Đieu đó đã tạo ra m(t nhu cau rat lớn của xã h(i đoi với ngành giáo dục mà trong đó giáo viên, đ"c bi t giáo viên tieng Anh là đoi tượng can phải "biet đoc công ngh " đe có the đáp ứng được nhu cau của xã h(i CNTT trong vi c truyen tải kien thức đen người hoc.

Đoi với nhà hoạch định chính sách: nên áp dụng chính sách ve năng lực CNTT đe đánh giá năng lực CNTT của giáo viên tieng Anh trong phạm vi toàn quoc; dựa vào đó cap chứng chỉ năng lực sử dụng CNTT cho giáo viên, coi đây là m(t phan của chuan nghe nghi p của giáo viên tieng Anh trong the kỉ 21; gan ket năng lực CNTT với n(i dung đào tạo và boi dưỡng phương pháp dạy-hoc tieng Anh; xây dựng che đ(khen thưởng thoả đáng tương xứng với năng lực CNTT của giáo viên. Đoi với giáo viên tieng Anh: nâng cao nh n thức ve lợi ích của vi c ứng dụng CNTT vào dạy-hoc ngoại ngữ; ý thức được trình đ(ứng dụng CNTT của bản thân; có ke hoạch boi dưỡng ho"c tham gia các khoá t p huan ve ứng dụng CNTT vào dạy-hoc ngoại ngữ. Đoi với chuyên gia CNTT: xây dựng các mô-đun đào tạo kĩ năng CNTT, đ"c bi t là các cách ứng dụng cụ the vào vi c dạy-hoc kĩ năng thực hành tieng Anh. Tat cả những kien nghị trên đeu phù hợp với chỉ thị của B(GD&ĐT ve "tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục giai đoạn 2013-2018. Thực hi n và quản lí các h thong thông tin quản lí giáo dục trực tuyen và cơ sở dữ li u của ngành" [12]. Ngoài ra, B(còn tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy và hoc các môn hoc khác; đoi mới n(i dung dạy và hoc môn tin hoc ở các cap, b c hoc theo hướng hi n đại, thiet thực và trên nen mã nguon mở; trien khai chương trình tin hoc ứng dụng theo mô đun kien thức. Như v y, yêu cau giáo viên, sinh viên và hoc sinh phải đạt chuan kien thức ve CNTT.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

M"c dau có những ton tại can được cân nhac, sự phát trien của CNTT đã và đang mang lại m(t cu(c cách mạng trong đào tạo ngoại ngữ. Công cụ giảng dạy hi n đại này đang trở nên ngày càng đáng tin c y và de sử dụng hơn. Internet chứa trong nó m(t lượng thông tin khong lo chưa từng thay trong lịch sử loài người. Tuy nhiên, do bản chat đ"c thù của chủ the, tài nguyên và công ngh hi n đại này can sự ho trợ của chuyên gia nham toi ưu hóa tính ưu vi t của CNTT trong đào tạo ngoại ngữ. Giáo viên tieng Anh can lưu ý rang, giong như bat cứ tài nguyên và công cụ ho trợ giảng dạy nào khác, CNTT nói chung và tài nguyên so nói riêng, người thay luôn là nhân to quan trong nhat cho sự thành công hay that bại của quá trình dạy-hoc [25]. World Wide Web (WWW) sẽ trở nên vô ích neu không có sự chuan bị và to chức lớp hoc kĩ càng. Vì the, giáo án soạn kĩ, quản lí lớp hoc tot chac chan luôn là yêu cau trước nhat trong vi c khai thác các tính năng giáo dục của CNTT trong đào tạo ngoại ngữ. Cuoi cùng, điieu th t sự can đe toi ưu hóa tien trình hoc t p là thay đoi tư duy của giáo viên "… từ suy nghĩ công ngh có the ho trợ gì cho người hoc đen tư duy người hoc có the khai thác được gì từ công ngh Internet" [26].

Tài li u tham khảo

[1] Lightbown, P.M. and N. Spada, How languages are learned. 3rd ed. 2006, New York: Oxford University Press.

[2] Porter, L.R., Developing an online curriculum: technologies and techniques. 2004, Melbourne: Information Science Publishing.

[3] Hubbard, P., Educating the CALL specialist. Innovation in Language Learning and Teaching, 2009. **3**(1): p. 3-15.

[4] Tomei, L.A., Challenges of teaching with technology across the curriculum: Issues and solutions. 2003, Hershey: IRM Press.

[5] Lang, P., ICT-Integrating computers in teaching. 2004, Frankfurt: Peter Lang.

[6] Butler-Pascoe, M.E., The History of CALL: The Intertwining Paths of Technology and Second/Foreign Language Teaching. International Journal of Computer-Assisted Language Learning and Teaching (IJCALLT), 2011. **1**(1): p. 16-32.

[7] Hoven, D., Developing a collaborative community: Guidelines for establishing a computer-mediated language learning project with a developing country, in Education across borders: Politics, policy and legislative administration, J. Fegan and M. Field, Editors. 2008, Springer Verlag: Berlin.

[8] Vygotsky, L.S., The instrumental method in psychology, in The concept of activity in Soviet psychology, J. Wertsch, Editor. 1981, M.E. Sharpe: NY. p. 143-184.

[9] Nguyen Văn Long, Computer-mediated collaborative learning in a Vietnamese tertiary EFL context: Process, product, and learners' perceptions, in School of Language Studies. 2010, Massey University: Palmerston North.

[10] Kellner, D., Technological revolution, multiple literacies, and the restructuring of education, in Silicon literacies, I. Snyder, Editor. 2002, Routledge: New York/London. p. 154-169.

[11] Mills, K.A., Transformed practice in a pedagogy of multiliteracies. Pedagogies: An International Journal, 2008. **3**(2): p. 109-128.

[12] Chương trình hành đ(ng, Chien lược phát trien giáo dục Vi t Nam 2011-2020, Ket lu n so 51-KL/TW ngày 29/10/2012 của H(i nghị lan thứ 6 Ban Chap hành Trung ương Đảng khóa XI và Chỉ thị so 02/CT-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ve đoi mới căn bản, toàn di n giáo dục và đào tạo (Ban hành kèm theo Quyet định so 1215/QĐ- BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2013 của B(trưởng B(Giáo dục và Đào tạo). 2013.

[13] B(GD&ĐT, Hướng dan thực hi n nhi m vụ CNTT năm hoc 2012-2013, B(GD&ĐT ban hành ngày 2/8/2012. 2012, B(GD&ĐT: Hà N(i.

[14] Nguyen Văn Long et al, Báo cáo: Đánh giá tác đ(ng của Đe án Ngoại ngữ Quoc gia 2020 giai đoạn 2011-2015: Hợp phan ứng dụng CNTT trong dạy-hoc ngoại ngữ. in press, Đe án Ngoại ngữ Quoc gia 2020: Hà N(i. p. 11-21.

[15] Nguyen Văn Long, Thu n lợi, khó khăn và giải pháp trong vi c ứng dụng công ngh vào giảng dạy ngoại ngữ [ICT in language education: Benefits, challenges and solutions]. Tạp chí Khoa hoc và Công ngh - Đại hoc Đà Nang (The University of Danang Journal of Science and Technology), **1**(30) (2009) 128.

[16] Garrison, D.R. and T. Anderson, E-learning in the 21st century: A framework for research and practice, London: Routledge Falmer, 2003.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

Dịch vụ viết luận văn trọn gói website: luanvantot.com Zalo/tele 0934573149

[17] Lê Gia Thanh, Boi dưỡng phát trien đ(i ngũ giáo viên., trong Đe tài khoa hoc: M(t so bi n pháp quản lí nham phát trien đ(i ngũ giáo viên ở 2009, Vinh Phuc. Retrieved from http://binhson.edu.vn/home/nghien-cuu-khoa-hoc/90-de-tai-boi-duong-phat-trien-doi-ngu.html: Trường THPT Bình Sơn.

[18] Walker, R., S. Hewer, and G. Davies. Introduction to the Internet (Module 1.5). Information and Computer Technology for Language Teaching (ICT4LT) 2008 June [cited 2008 June 15]; Available from: http://www.ict4lt.org/en/en_mod1-5.htm.

[19] Nguyen Văn Long, Giảng dạy tieng Anh trong thời đại truyen thông so từ góc nhìn của ngôn ngữ hoc xã h(i. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời song (Language & Life), 2015. **11**(241): p. 30-34.

[20] Nguyen Văn Long and Nguyen Văn Tuyên, Listening comprehension test designs to evaluate high school learners' listening skills - A shortcut to English communicative orientation development, trong Conference on English language testing and assessment for school-age learners, Bảo Khâm, Editor. 2014: Hue University of Foreign Languages. p. 74-81.

[21] Kung, S.C., Synchronous electronic discussions in an EFL reading class. ELT Journal, 2004. **58**(2): p. 164-173.

[22] Joint Advisory Committee, Principles for fair student assessment practices for education in Canada. 1993, Edmonton, Alberta, Canada: Centre for Research in Applied Measurement and Evaluation, University of Alberta.

[23] Spencer, D., Nattering on the net. 1995, Sydney: Spinifex Press.

[24] Meyer, K.A., Evaluating online discussions: Four different frames of analysis. Journal of Asynchronous Learning Networks, 2004. **8**(2): p. 101-114.

[25] Nguyen Văn Long, Giới thi u ve giao tiep qua công ngh trong giáo dục [An introduction to computer-mediated communication in education]. Tạp chí Khoa hoc và Công ngh - Đại hoc Đà Nang (The University of Danang Journal of Science and Technology), **9**(58) (2012) 110.

[26] Godwin-Jones, R., Web course design and creation for language learning. CALICO Journal, **17**(1) (1999) 43.

IT Application In Foreign Language Education: From International Experience to Real State of Affairs in Vietnam

Nguyen Van Long

University of Foreign Languages Studies - The University of Da Nang, Da Nang, Vietnam

Abstract: The article focuses on discussing the situation of the application of Information Technology (IT) in the process of teaching and learning foreign languages in general and English in particular from theory to practice; from internatonal models to the real state of affairs in Vietnam. In the section on the international experience, on the basis of digital education, the article analyzes the current popular approaches applied in the world over as the theoretical models for bringing IT into the classroom and into the training process, followed by an analysis of the IT capacity that teachers should be able to achieve. In the section on the practical research in Vietnam, the paper makes an in-depth analysis of the practical needs and the necessity of the application of IT in the context of Vietnam, together with the present application. Conclusions and recommendations are presented in the concluding section.

Keywords: Education, IT, experience, real state of affairs, application, foreign languages.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com